

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NĂM 2014 VỀ ĐIỀU KIỆN KẾT HÔN

■ BÙI TRUNG TUYẾN* & LƯU TRẦN PHƯƠNG THẢO**

Tóm tắt: Bài viết phân tích một số bất cập trong quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về điều kiện kết hôn và đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về vấn đề này.

Từ khóa: Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điều kiện kết hôn; định hướng hoàn thiện.

Nhận bài: 14/10/2024

Hoàn thành biên tập: 04/11/2024

Duyệt đăng: 15/11/2024

COMPLETING THE PROVISIONS OF THE 2014 LAW ON MARRIAGE AND FAMILY ON MARRIAGE CONDITIONS

Abstract: The article analyzes some shortcomings in the provisions of the 2014 Law on Marriage and Family on marriage conditions and proposes solutions to improve legal provisions on this issue.

Keywords: Law on Marriage and Family of 2014; conditions for marriage; directions for improvement.

Article received: 14/10/2024

Editing completed: 04/11/2024

Approved for publication: 15/11/2024

Đặt vấn đề

Kết hôn là nguyện vọng của hai người, xuất phát từ tình yêu và có mong muốn cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, trong xã hội có Nhà nước, kết hôn không chỉ đơn thuần là vấn đề của hai cá nhân mà Nhà nước cần có sự can thiệp nhằm bảo đảm quyền lợi của các bên và an toàn xã hội. Một trong những cách thức mà Nhà nước sử dụng để quản lý vấn đề kết hôn là xây dựng, thực thi các quy định pháp luật về điều kiện kết hôn. Các bên muốn kết hôn phải đáp ứng các điều kiện mà pháp luật đã đặt ra. Tuy nhiên, hiện nay, quy định pháp luật Việt Nam về điều kiện kết hôn còn tồn tại một số nội dung không phù hợp với thực tiễn, làm

cản trở quá trình quản lý nhà nước về kết hôn. Do đó, việc nghiên cứu nhằm đưa ra những giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về điều kiện kết hôn trong bối cảnh hiện nay là cần thiết, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn.

1. Khái quát về kết hôn và điều kiện kết hôn

Con người trong quá trình sinh sống đã biết kết hôn với nhau từ rất sớm (từ thời kỳ cộng sản nguyên thủy). Ban đầu, khi xã hội chưa phát triển, việc kết hôn của con người hoàn toàn là mong muốn cá nhân. Thông thường, người nam và người nữ có tình cảm, có nhu cầu duy trì nòi giống... sẽ kết hôn với nhau. Sau này, khi Nhà nước ra đời, kết hôn không chỉ là vấn đề giữa các cá nhân mà được điều chỉnh bởi quy

* Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

** Học viện Phụ nữ Việt Nam

định pháp luật nhằm duy trì một trật tự về hôn nhân. Tùy thuộc vào mỗi giai đoạn, quan điểm thể hiện trong pháp luật về kết hôn lại khác nhau. Hiện nay, ở Việt Nam, dưới góc độ pháp lý, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật này về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn” (khoản 5 Điều 3).

Như vậy, kết hôn không chỉ là nguyện vọng, mong muốn của mỗi cá nhân mà còn phải tuân thủ các điều kiện nhất định. Các điều kiện này được Nhà nước xây dựng theo các tiêu chí khác nhau nhằm bảo đảm trật tự xã hội. Nếu việc kết hôn không đáp ứng các điều kiện mà pháp luật đặt ra thì đó là kết hôn trái pháp luật. Kết hôn được coi là hợp pháp, nếu đáp ứng đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cụ thể:

- Về tuổi: Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.

- Về tính tự nguyện: Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định.

- Người kết hôn không bị mất năng lực hành vi dân sự.

- Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn, gồm: (i) Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo; (ii) Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; (iii) Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ; (iv) Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa

cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.

Người có mong muốn kết hôn phải đáp ứng đồng thời tất cả các điều kiện trên thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn.

2. Một số bất cập trong quy định pháp luật về điều kiện kết hôn

2.1. Về độ tuổi kết hôn

Thứ nhất, quy định về độ tuổi kết hôn của nam (từ đủ 20 tuổi trở lên) chưa bảo đảm tính phù hợp, liên thông, thống nhất với quy định về năng lực hành vi dân sự của người đã thành niên. Tại khoản 2 Điều 20 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp quy định tại Điều 22 (mất năng lực hành vi dân sự), Điều 23 (người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi) và Điều 24 (hạn chế năng lực hành vi dân sự) của Bộ luật này. Từ đó, có thể thấy, người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đáp ứng các điều kiện sau: (i) Là người thành niên (từ đủ 18 tuổi trở lên); (ii) Không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; hạn chế năng lực hành vi dân sự. Người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự được tham gia mọi quan hệ pháp luật theo quy định. Do vậy, người đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự thì không phân biệt về giới tính đối với quyền đăng ký kết hôn, cũng như mọi quyền và nghĩa vụ có liên quan. Họ hoàn toàn có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, tự mình chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với mọi hành

vi do mình thực hiện. Như vậy, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định độ tuổi kết hôn của nam giới là từ đủ 20 tuổi trở lên chưa thực sự phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015. Hơn nữa, quy định này chưa bảo đảm vấn đề bình đẳng giới giữa nam và nữ. Độ tuổi kết hôn của nam giới (từ đủ 20 tuổi trở lên) muộn hơn 02 tuổi so với nữ giới (từ đủ 18 tuổi trở lên).

Thứ hai, hiện nay, pháp luật một số quốc gia trên thế giới và pháp luật Việt Nam có sự khác nhau trong quy định điều kiện về độ tuổi để được kết hôn. Ví dụ, pháp luật Nhật Bản quy định: Nam giới khi chưa tròn 18 tuổi và nữ giới chưa tròn 16 tuổi thì không được kết hôn (Điều 731 Bộ luật Dân sự năm 1896 của Nhật Bản)¹. Theo nguyên tắc áp dụng luật, nếu người nước ngoài thực hiện đăng ký kết hôn tại Việt Nam thì phải tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam. Nếu dẫn chiếu đến trường hợp về độ tuổi kết hôn, họ đều là người nước ngoài, mà theo quy định pháp luật nước họ là đủ điều kiện kết hôn về độ tuổi nhưng họ đăng ký kết hôn tại Việt Nam thì phải tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam và họ chưa đáp ứng điều kiện về độ tuổi. Như vậy, vô hình trung, pháp luật Việt Nam hạn chế quyền đăng ký kết hôn của họ. Cũng tương tự như vậy, nếu một trong hai người đăng ký kết hôn là người nước ngoài và theo quy định pháp luật của nước họ, họ cũng đủ điều kiện kết hôn về độ tuổi nhưng vì họ thực hiện việc đăng ký kết hôn ở Việt Nam thì lại không đủ điều kiện kết hôn.

2.2. Về quy định “không bị mất năng lực hành vi dân sự”

Một trong những điều kiện kết hôn theo hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hai bên nam, nữ không bị mất năng lực hành vi dân sự. Một người bị coi là mất năng lực hành vi dân sự được quy định tại khoản 1 Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau: “Khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần”. Điều này có nghĩa là: (i) Về tình trạng sức khỏe, người đó “bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi”; (ii) Về mặt thủ tục, “Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần”. Thông thường, một người (thông qua người giám hộ, người đại diện theo pháp luật...) sẽ giám định pháp y tâm thần và yêu cầu Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự khi cần bảo vệ quyền lợi trong một số trường hợp đặc biệt (ví dụ, khi cần chứng minh để không phải chịu trách nhiệm hình sự). Trường hợp kết hôn, nếu người kết hôn không có quyết định của Tòa án thì cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn không có thẩm quyền bác bỏ quyền đăng ký kết hôn của họ. Trong khi đó, pháp luật không

1. ThS. Đinh Lê Oanh & ThS. Lê Hồ Trung Hiếu (2023), “*Một số vấn đề kết hôn được điều chỉnh bởi quy phạm xung đột theo pháp luật Việt Nam và trên thế giới*”, Tạp chí Công Thương, <https://tapchicongthuong.vn/mot-so-van-de-ket-hon-duoc-dieu-chinh-boi-quy-pham-xung-dot-theo-phap-luat-viet-nam-va-tren-the-gioi-106781.htm>, truy cập ngày 28/8/2024.

yêu cầu một người khi đi đăng ký kết hôn phải xuất trình giám định pháp y tâm thần.

Ngoài ra, hiện nay, việc khám sức khỏe tiền hôn nhân là rất quan trọng. Điều này sẽ giúp tránh được nhiều nguy cơ về sau, đặc biệt là khi sinh con (tránh trường hợp sinh con ra mắc bệnh do sự kết hợp giữa gen của bố và mẹ), từ đó, bảo đảm quyền lợi của các bên, tuy nhiên, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 còn đang “bỏ ngỏ” điều kiện này.

2.3. Về sự tự nguyện của nam và nữ

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đưa ra điều kiện về tính tự nguyện của các bên khi kết hôn là phù hợp với tính chất của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình (là quan hệ dân sự theo nghĩa rộng). Tuy nhiên, Luật chưa làm rõ nội hàm của quy định, mà chỉ liệt kê hành vi, nên chưa làm rõ được bản chất của khái niệm. Một thực trạng khá phổ biến hiện nay là khi hai bên nam, nữ thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan có thẩm quyền hầu như chỉ quan tâm đến các điều kiện về giấy tờ, thủ tục hợp lệ, mà không quan tâm hoặc bỏ qua xem xét điều kiện về sự tự nguyện.

Yếu tố tự nguyện trong hôn nhân đóng vai trò rất quan trọng. Thực tế cho thấy, từ sự không tự nguyện giữa hai bên sẽ dẫn đến nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác nhau, như bị cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, kết hôn giả tạo... Trước đây, có quy định thủ tục phỏng vấn đối với việc kết hôn có yếu tố nước ngoài, hai bên sẽ cần phải chứng minh quan hệ yêu đương của họ qua những lần gặp gỡ, trao đổi, trò chuyện, thư điện tử, du lịch...

(Điều 10 Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài). Tuy nhiên, hiện nay, cơ quan nhà nước đã không thực hiện thủ tục này đối với người kết hôn có yếu tố nước ngoài hay trong nước nên việc xem xét điều kiện về sự tự nguyện của cán bộ tư pháp - hộ tịch thường mang tính hình thức.

2.4. Về hôn nhân của những người cùng giới tính

Khoản 2 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính”. Quy định này được xem là một trong những điểm mới so với Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, bởi trước đây, Luật quy định cấm kết hôn “giữa những người cùng giới tính”². Tuy nhiên, việc chưa thừa nhận hôn nhân đồng giới là vấn đề mà pháp luật Việt Nam còn “bỏ ngỏ”, không giải quyết được những yêu cầu mà thực tiễn đặt ra.

Trên thực tế, có rất nhiều trường hợp những người cùng giới tính thực hiện nghi thức kết hôn theo phong tục, tập quán, tôn giáo... và họ sống chung với nhau như vợ chồng, thậm chí, họ còn can thiệp các biện pháp để có con chung hoặc riêng, phát sinh tài sản chung trong thời gian sống chung. Về hình thức cho thấy, họ không khác gì các cặp vợ chồng khác giới và những cặp đồng giới này kết hôn với nhau hoàn toàn xuất phát từ tình yêu, mong muốn vun đắp cho một gia đình hạnh phúc.

2. Đỗ Gia Ánh (2023), “Một số điểm mới của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014”, https://namtuliem.hanoi.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/gwKr7rGLBN5Q/content/mot-so-iem-moi-cua-luat-hon-nhan-va-gia-inh-nam-2014, truy cập ngày 28/8/2024.

Việc họ chung sống với nhau như vợ chồng, phát sinh tài sản chung, con chung và nhiều vấn đề khác có liên quan, nếu không thừa nhận về mặt pháp lý thì quyền và lợi ích hợp pháp của các bên có thể bị xâm hại. Cùng với đó, pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới đã thừa nhận hôn nhân cùng giới. Điều này thể hiện sự không phân biệt giới tính một cách triệt để nhất, từ điều kiện về độ tuổi đến điều kiện về giới tính, bảo đảm vấn đề bình đẳng giới trong việc thực hiện quyền con người³.

3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về điều kiện kết hôn

Thứ nhất, hoàn thiện quy định về độ tuổi kết hôn.

Nhằm bảo đảm sự bình đẳng giới giữa nam và nữ, nghiên cứu đề xuất sửa đổi quy định độ tuổi kết hôn chung cho cả hai giới là từ đủ 18 tuổi trở lên. Việc quy định độ tuổi như vậy sẽ bảo đảm quyền của nam giới khi tham gia vào quan hệ pháp luật hôn nhân, đồng thời, phù hợp với quy định về người thành niên, người có đủ năng lực hành vi dân sự trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặt khác, Việt Nam đã là thành viên của Công ước về xóa bỏ toàn bộ các hành vi phân biệt đối xử với nữ giới (Công ước quốc tế CEDAW) nên cần tôn trọng các nguyên tắc về giới tính được quy định tại Công ước. Do đó, không cần thiết có sự phân biệt điều kiện độ tuổi kết hôn của nam và nữ.

Bên cạnh đó, nghiên cứu đề xuất sửa đổi quy định về độ tuổi kết hôn theo hướng chỉ kiểm soát điều kiện về độ tuổi với công dân Việt Nam, còn

đối với công dân nước ngoài thì cần giấy xác nhận đủ điều kiện kết hôn về độ tuổi theo luật pháp của nước họ.

Thứ hai, hoàn thiện quy định về điều kiện người kết hôn không bị mất năng lực hành vi dân sự.

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần sửa đổi điều kiện người kết hôn không bị mất năng lực hành vi dân sự theo hướng quy định người đăng ký kết hôn phải có đủ sức khỏe (theo kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền về tình trạng sức khỏe tiền hôn nhân đối với hai bên trước khi đăng ký kết hôn). Điều này bảo đảm quyền và lợi ích của hai bên; bảo đảm việc kết hôn không bị che giấu hoặc lừa dối về tình trạng sức khỏe và cũng là cơ sở để cán bộ tư pháp - hộ tịch xem xét đề nghị công nhận quan hệ vợ chồng cho hai bên. Với quy định này, khi đăng ký kết hôn, hai bên nam nữ cần có thêm kết luận về sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền (trong đó xác định và kết luận về năng lực hành vi của hai người đề nghị đăng ký kết hôn).

Thứ ba, hoàn thiện quy định về điều kiện tự nguyện của hai bên nam, nữ khi kết hôn.

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định điều kiện tự nguyện của hai bên nam, nữ khi kết hôn để phù hợp với tính chất của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, Luật cần đưa ra cách thức để cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể kiểm soát được tính tự nguyện của các bên ở thời điểm kết hôn. Hình thức phù hợp nhất là cán bộ thực hiện thủ tục kết hôn phải phỏng vấn các bên và có quyền yêu cầu các bên xuất trình những

3. NCS.ThS. Đoàn Thị Ngọc Hải (2023), “*Công nhận hôn nhân đồng giới ở Hà Lan và một số gợi mở cho Việt Nam*”, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, <https://tapchitoaan.vn/cong-nhan-hon-nhan-dong-gioi-o-ha-lan-va-mot-so-goi-mo-cho-viet-nam8602.html>, truy cập ngày 28/8/2024.

chứng cứ để chứng minh họ kết hôn vì tình yêu, tự nguyện mà không giả tạo hay vi phạm tính tự nguyện. Cán bộ có thẩm quyền chịu trách nhiệm về tính tự nguyện trong những trường hợp cho phép kết hôn.

Thứ tư, hoàn thiện quy định về thừa nhận hôn nhân của những người có cùng giới tính.

Pháp luật Việt Nam cần sớm ban hành quy định thừa nhận hôn nhân của người cùng giới tính. Việc công nhận hôn nhân cùng giới tính vừa giải quyết nhiều vấn đề thực tiễn, vừa phù hợp với pháp luật của các quốc gia trên thế giới. Hiện nay, trên thế giới, có khoảng 30 quốc gia thừa nhận hôn nhân đồng giới, từ châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và châu Á (Đài Loan). Mỗi người sinh ra, đã có quyền con người, có quyền hưởng bình đẳng giới và không bị phân biệt đối xử. Bởi, hôn nhân không chỉ là duy trì nòi giống mà xuất phát đầu tiên và cuối cùng là nhu cầu về tình cảm, từ tình yêu giữa hai phía với nhau. Nếu công nhận hôn nhân đồng giới sẽ giúp cho những người đồng giới không còn mặc cảm với bản thân, trong xã hội dần mất đi thái độ phân biệt, kỳ thị với họ. Trên thực tế, có nhiều cặp đôi đồng giới, họ đã kết hôn và chung sống với nhau hạnh phúc. Thừa nhận hôn nhân đồng giới cũng là cơ sở pháp lý quan trọng để giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản và con cái (nếu có).

Kết luận

Qua phân tích một số điểm bất cập trong quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về điều kiện kết hôn, như quy định về độ tuổi kết hôn, điều kiện người kết hôn không bị mất năng lực hành vi dân sự, điều kiện về tính tự nguyện,

quy định về không thừa nhận hôn nhân của những người cùng giới tính, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy định về điều kiện kết hôn trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Quy định về độ tuổi kết hôn cho cả nam và nữ như nhau (từ đủ 18 tuổi trở lên) và người nước ngoài đáp ứng độ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật nước họ; pháp luật đặt ra điều kiện người đăng ký kết hôn phải có đủ sức khỏe (theo kết luận của cơ quan y tế); quy định cách thức nhằm kiểm tra, giám sát tính tự nguyện khi đăng ký kết hôn; quy định thừa nhận hôn nhân của những người cùng giới tính □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ThS. Đinh Lê Oanh & ThS. Lê Hồ Trung Hiếu (2023), “*Một số vấn đề kết hôn được điều chỉnh bởi quy phạm xung đột theo pháp luật Việt Nam và trên thế giới*”, Tạp chí Công Thương, <https://tapchicongthuong.vn/mot-so-van-de-ket-hon-duoc-dieu-chinh-boi-quy-pham-xung-dot-theo-phap-luat-viet-nam-va-tren-the-gioi-106781.htm>, truy cập ngày 28/8/2024.
2. Đỗ Gia Ánh (2023), “*Một số điểm mới của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014*”, https://namtuliem.hanoi.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/gwKr7rGLBN5Q/content/mot-so-iem-moi-cua-luat-hon-nhan-va-gia-inh-nam-2014, truy cập ngày 28/8/2024.
3. NCS.ThS. Đoàn Thị Ngọc Hải (2023), “*Công nhận hôn nhân đồng giới ở Hà Lan và một số gợi mở cho Việt Nam*”, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, <https://tapchitoaan.vn/cong-nhan-hon-nhan-dong-gioi-o-ha-lan-va-mot-so-goi-mo-cho-viet-nam8602.html>, truy cập ngày 28/8/2024.